

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Đơn vị kinh doanh thuốc

Hiện nay, Bệnh viện đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội đang tiến hành xây dựng danh mục thuốc bán tại Nhà thuốc bệnh viện năm 2026

Để đảm bảo tốt nhất cho hoạt động khám chữa bệnh cũng như công tác điều trị theo yêu cầu tại Bệnh viện, Bệnh viện kính mời các công ty có đủ năng lực kinh nghiệm cung cấp hồ sơ (theo biểu mẫu đính kèm) để Bệnh viện lựa chọn công ty cung ứng.

Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thuốc mời báo giá (Phụ lục 01 đính kèm).

2. Các giấy tờ yêu cầu:

2.1. Báo giá của thuốc cung cấp (Đầy đủ thông tin như mẫu biểu (Phụ lục 02 đính kèm)) và kèm theo các tài liệu sau:

2.2. Hồ sơ pháp lý của công ty:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng)
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược có phạm vi phù hợp với sản phẩm tương ứng (Bản sao công chứng)
- Giấy chứng nhận GSP, GDP, GACP, GMP (nếu có tùy theo loại hình kinh doanh) (Bản sao công chứng)
- Bản cam kết về chất lượng hàng hóa, giá và cung ứng sản phẩm (Phụ lục 3)

2.3. Hồ sơ sản phẩm (sắp xếp theo từng sản phẩm)



- Giấy phép lưu hành sản phẩm/ quyết định cấp đăng ký lưu hành/ Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký lưu hành. Trong trường hợp Giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực, đơn vị cung cấp thẻ kho hặc cam kết số lượng cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng.

- Quyết định trúng thầu hoặc thông báo trúng thầu hoặc hợp đồng tại các bệnh viện tuyển tỉnh, tuyển trung ương thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc theo Quyết định trúng thầu mua sắm tập trung cấp địa phương, cấp quốc gia trong thời gian còn hiệu lực tính tại thời điểm ký kết hợp đồng ít nhất là 03 tháng. Trong trường hợp đơn vị báo giá không phải là nhà trúng thầu theo Quyết định hoặc Hợp đồng đã cung cấp thì phải có giấy Ủy quyền sử dụng Quyết định hoặc Hợp đồng nêu trên.

- Một đến ba hóa đơn bán hàng trong vòng 12 tháng tại cơ sở y tế công lập

Các tài liệu do công ty cung cấp phải có dấu xác nhận của công ty, đồng thời chuẩn bị sẵn các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bệnh viện.

Nơi tiếp nhận hồ sơ: Nhà thuốc Bệnh viện đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội

Địa chỉ: Số 8 Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến hết ngày 31/03/2026.

Mọi thắc mắc xin liên hệ: DS. Trần Sĩ Hiếu; điện thoại: 0963.381.999

Rất mong sự hợp tác từ Quý Công ty.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu NTBV



TRẦN QUỐC HÙNG

PHỤ LỤC I: DANH MỤC THUỐC MỜI BẢO GIÁ NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN
(Kèm theo thư mời báo giá nhà thuốc ngày 22 tháng 05 năm 2026 của Bệnh viện ĐK YHCT Hà Nội)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	TCKT	Đường dùng	Đơn vị tính
1	Acetyl leucin	1g/10ml	Dung dịch tiêm	4	Tiêm	Lọ
2	Acetyl leucin	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	4	Tiêm	Lọ
3	Acetyl leucine	500mg	Viên nén	1	Uống	Viên
4	Acetyl leucine	500mg/5ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	1	Tiêm	Ống
5	Acetylcystein	100mg	Cốm pha uống	4	Uống	Gói
6	Acetylcystein	200mg	Cốm pha uống	4	Uống	Gói
7	Acid acetylsalicylic + Clopidogrel	100 mg + 75 mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
8	Acid amin + glucose + lipid	(11,3% + 11% + 20%)/ 960ml	Thuốc tiêm truyền	2	Tiêm truyền	Túi
9	Acid Fructose-1,6	5g	Bột pha tiêm, Dung dịch tiêm	4	Truyền	Lọ
10	Acid Fusidic	2%	Kem	BDG	Dùng ngoài	Tuýp
11	Acid Fusidic + Hydrocortison acetat	20mg/g + 10mg/g	Kem	1	Dùng ngoài	Tuýp
12	Acid thiocctic	600mg/50ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	1	Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ
13	Acid thiocctic	600 mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
14	Acid thiocctic	300mg	Viên nang mềm	4	Uống	Viên
15	Acid tranexamic	500mg/5ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch hoặc uống	1	Tiêm/uống	Ống
16	Acid Ursodeoxycholic	300 mg	Viên nén	1	Uống	Viên
17	Actiso + Rau đắng đất + Bim bim	85mg + 64mg + 6,4mg	Viên bao phim	1	Uống	Viên
18	Activated Attapulgit of Mormoiron + AL(OH)3 + MgCO3	2,5g + 0,5g	Bột pha uống	1,2,3,4,5	Uống	Gói
19	Acyclovir	400mg	Viên nén	2	Uống	Viên
20	Acyclovir	200mg; 800mg	Viên	2,4	Uống	Viên
21	Adapalene	0,001	Gel bôi ngoài da	5	Dùng ngoài	Tuýp
22	Adapalene	0,1%	Kem	1	Dùng ngoài	Tuýp
23	Adapalene	0,001	Gel bôi ngoài da	2	Dùng ngoài	Tuýp
24	Aescin	40mg	Viên nén bao tan trong ruột	4	Uống	Viên
25	Alanine + Serine + Glycine + Threonine+ Phenylalanine + Glutamine + Leucine + Valine + Lysine hydrochloride + Aspartic acid + Tyrosine + Isoleucine + Cystein hydrochloride + Histidine hydrochloride + Proline	21mg + 35mg + 21mg + 28mg + 35mg + 140mg + 60,2mg + 42mg + 54,95mg + 43,4mg + 37,45mg + 35mg + 7mg + 28mg + 112mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
26	Alendronic acid	70mg	Viên nén	1	Uống	Viên
27	Alendronic acid	70mg/100ml	Dung dịch uống	1	Uống	Chai
28	Alfuzosin HCl	10mg	Viên nén giải phóng kéo dài	2	Uống	Viên
29	Alfuzosin HCl	5mg	Viên nén bao phim	2	Uống	Viên
30	Alfuzosin HCl	10mg	Viên nén phóng thích kéo dài	BDG	Uống	Viên
31	Allopurinol	300mg	viên nén	2	Uống	Viên
32	Almagat	1500mg/15ml	Hỗn dịch uống	4	Uống	Gói
33	Alpha chymotrypsin	4.2mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
34	Ambroxol	30mg/5ml	Dung dịch uống	4	Uống	Ống
35	Ambroxol hydroclorid	30mg/ 10mL	Siro	1	Uống	Ống
36	Ambroxol hydroclorid	30mg/10ml	Dung dịch uống	4	Uống	Ống
37	Ambroxol hydroclorid	(30mg/5ml)/ 90ml	Siro	4	Uống	Chai
38	Ambroxol hydroclorid + Clenbuterol hydroclorid	90mg + 60mcg	Siro thuốc	4	Uống	Chai
39	Amiodaron hydroclorid	150mg/ 3ml	Dung dịch tiêm	4	Tiêm	Lọ
40	Amitryptilin	25mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên

41	Amlodipine + Valsartan	5mg + 80mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
42	Amlodipine + Atorvastatin	5mg + 10mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
43	Amoxicilin + Acid clavulanic	875mg + 125mg	Viên nén bao phim	3	Uống	Viên
44	Amoxicilin + Acid clavulanic	250mg + 31,25mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	3	Uống	Gói
45	Amoxicilin + Acid clavulanic	500mg + 62,5mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	3	Uống	Gói
46	Amoxicilin + Sulbactam	875mg + 125mg	Viên nén phân tán	4	Uống	Viên
47	Amoxicilin + Sulbactam	500mg + 500mg	Viên nén bao phim	4	Uống	Viên
48	Amoxicillin (dạng Amoxicillin trihydrat)	250mg	Bột pha uống	1,2,3,4,5	Uống	Gói
49	Amoxicillin + Acid clavulanic	875mg + 125mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
50	Amoxicillin + Acid Clavulanic	250mg + 31,25mg	Bột pha hỗn dịch uống	BDG	Uống	Gói
51	Amoxicillin + Acid Clavulanic	500mg + 62,5mg	Bột pha hỗn dịch uống	BDG	Uống	Gói
52	amoxicillin + acid clavulanic	600mg + 42,9mg	Bột pha uống	1	Uống	Chai
53	Amoxicillin + Acid clavulanic	500 mg + 125mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
54	Apixaban	5mg	Viên	2	Uống	Viên
55	Arginin HCl	1000mg/10ml	Dung dịch uống	4	Uống	Ống
56	Aspirin	81mg	Viên bao tan ở ruột	4	Uống	Viên
57	Atorvastatin	20mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
58	Atropin sulfat	10mg/ml	Thuốc nhỏ mắt	4	Nhỏ Mắt	Ống
59	Azithromycin	500mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
60	Azithromycine	250mg	Viên	2	Uống	Viên
61	Azithromycine (dạng Azithromycin dihydrat)	100mg	Bột pha uống	3	Uống	Gói
62	Azithromycine (dạng Azithromycin dihydrat)	200mg	Bột pha uống	3	Uống	Gói
63	Bacillus Clausii	2x10 ⁹ CFU/5ml	Hỗn dịch uống	4	Uống	Ống
64	Bacillus clausii	1.109 - 2.109 cfu	Viên nang cứng	4	Uống	Viên
65	Bacillus subtilis	2 x 10 ⁹ CFU/5ml	Hỗn dịch uống	4	Uống	Ống
66	Baclofen	10mg	Viên	1	Uống	Viên
67	Bambuterol hydrochlorid	10mg	Viên nén	1	Uống	Viên
68	Betahistine dihydrochloride	24mg	Viên nén	1	Uống	Viên
69	Betahistine dihydrochloride	16mg	Viên	1	Uống	Viên
70	Betamethasone	0,5mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
71	Bilastine	20mg	Viên nén	1	Uống	Viên
72	Bilastine	10mg	Viên nén phân tán trong miệng	4	Uống	Viên
73	Biotin (vitamin H)	10mg	Viên nang mềm	4	Uống	Viên
74	Biphenyl Dimethyl Dicarboxylate	25mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
75	Bismuth oxyd	120 mg	Viên	4	Uống	Viên
76	Bisoprolol fumarate + Perindopril arginine	5mg + 10mg	Viên	1	Uống	Viên
77	Bisoprolol fumarate + Perindopril arginine	5mg + 5mg	Viên	1	Uống	Viên
78	Bột hạt Malva (Malva purpurea) + Xanh methylen + Camphor monobromid	250mg + 25mg + 20mg	Viên	4	Uống	Viên
79	Bromelain	20 mg (tương đương 100 F.I.P)	Viên bao tan ở ruột	4	Uống	Viên

80	Budesonid	500mcg/2ml	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	BDG	Hít/Đường hô hấp	Ống
81	Budesonid	0,5mg/ 2ml	Hỗn dịch dùng cho khí dung	4	Hít qua máy khí dung	Lọ
82	Budesonide	200mcg/liều	Thuốc phun mũi định liều	4	Đường hô hấp	Bình
83	Budesonide	64µg (mcg)	Hỗn dịch xịt mũi	4	Xịt mũi	Lọ
84	Butamirat citrat	(7,5mg/5ml)/ 200ml	Siro	1	Uống	Chai
85	Calci + Thiamin hydroclorid + Riboflavin natri phosphat + Nicotinamid + Pyridoxin hydroclorid + Vitamin B5 (Dexpanthenol) + Cholecalciferol (Vitamin D3) + Alpha tocopheryl acetat + Lysin hydroclorid	65mg + 1,5mg + 1,75mg + 10mg + 3mg + 5mg + 200IU + 7,5mg + 150mg	Siro	4	Uống	Ống
86	Calci ascorbat + Lysin ascorbat	(250mg + 250mg)/5ml	Dung dịch uống	4	Uống	Ống
87	Calci carbonat + Vitamin D3	1500mg+0,01mg	Viên nén bao phim	4	Uống	Viên
88	Calci gluconat + Vitamin D3	500mg + 200IU	Viên nang mềm	4	Uống	Viên
89	Calcipotriol + Betamethason	50 mcg + 0,5 mg	Thuốc mỡ	4	Dùng ngoài	Tuýp
90	Calcipotriol + Betamethason	50mcg + 0,5mg	Thuốc mỡ	1	Dùng ngoài	Tuýp
91	Calcitonin cá hồi tổng hợp	50IU/ml	Dung dịch tiêm	1	Tiêm	Ống
92	Calcitriol	0,5mcg	Viên nang mềm	4	Uống	Viên
93	Calcium + Phosphorus + Vitamin D3 (dưới dạng Cholecalciferol) + Vitamin K1 (Phytomenadione)	200mg + 154mg + 200UI + 30mcg	Viên nang	1	Uống	Viên
94	Calcium glubionate + Calcium lactobionate	1469,30mg + 319,91mg	Dung dịch uống	2	Uống	Ống
95	Cao actiso + Cao Rau đắng + Cao Bim Bim	170mg + 128mg + 13,6mg	Viên nang mềm	1	Uống	Viên
96	Cao Ginkgo biloba + Troxerutin + Heptaminol hydrochloride	14mg + 300mg + 300mg	Viên nang cứng	1	Uống	Viên
97	Cao Ginkgo biloba 17,5mg/5ml	17,5mg/5ml	Dung dịch tiêm	2	Tiêm	Ống
98	Cao khô đỉnh lăng + Cao khô Bạch quả	150mg + 5mg	Viên nén	2	Uống	Viên
99	Cao khô đỉnh lăng + Cao khô Bạch quả	300mg + 100mg	Thuốc cầm	3	Uống	Gói
100	Cao khô hỗn hợp (hồng sâm, mạch môn, ngũ vị tử) + Bột hồng sâm	100mg + 200mg	Viên nang cứng	3	Uống	Viên
101	Cao khô lá bạch quả	80mg	Viên nang cứng	1	Uống	Viên
102	Cao khô lá bạch quả + Heptaminol hydroclorid + Troxerutin	7 mg + 150 mg + 150 mg	Viên nang cứng	4	Uống	Viên
103	Cao khô rễ đỉnh lăng + Cao khô lá bạch quả + Cao đậu tương lên men	0.2g + 0.033g + 0.083g	Viên nang cứng	3	Uống	Viên
104	Carbamazepine	200mg	Viên nén	1	Uống	Viên
105	Carbidopa + Levodopa	25mg + 250mg	Viên nén	2	Uống	Viên
106	Carbocistein	750mg	Viên nén bao phim	4	Uống	Viên

107	Carbomer	0,2% (kl/kl)	Thuốc tra mắt	4	Nhỏ Mắt	Ống
108	Cefdinir	125mg/5ml	Thuốc bột uống	4	Uống	Lọ
109	Cefdinir	(250mg/5ml)/ 50ml	Bột pha hỗn dịch uống	4	Uống	Lọ
110	Cefdinir 125mg	125mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	2	Uống	Gói
111	Cefditoren	50mg	Cốm pha hỗn dịch uống	4	Uống	Viên
112	Cefditoren	400mg	Viên nén bao phim	3	Uống	Viên
113	Cefditoren	200mg	Viên nén phân tán	4	Uống	Viên
114	Cefixime	400mg	Viên	1	Uống	Viên
115	Cefixime	100mg	Bột pha uống	1,2,3,4,5	Uống	Lọ
116	Cefixime	200 mg	Viên nang cứng	1	Uống	Viên
117	Cefprozil	250mg	Viên nén bao phim	2	Uống	Viên
118	Cefprozil	250 mg/5 ml	Bột pha hỗn dịch uống	1	Uống	Chai
119	Cefprozil	500 mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
120	Cefuroxim	125mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
121	Cefuroxim	250mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
122	Cefuroxim	500mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
123	Cefuroxim	125mg/5ml	Cốm pha huyền dịch uống	BDG	Uống	Chai
124	Celecoxib	200mg	Viên nang cứng	2	Uống	Viên
125	Celecoxib	200mg	Viên nang cứng	1	Uống	Viên
126	Cephalexin	500mg	Viên nang/Viên	4	Uống	Viên
127	Cholin Alfoscera	400mg	Viên nang mềm	4	Uống	Viên
128	Cholin Alfoscera	600mg/7ml	Dung dịch thuốc uống	4	Uống	Ống
129	Choline Alfoscera	1000mg/4ml	Dung dịch tiêm	1	Tiêm	Ống
130	Cinnarizin	25mg	Viên	1	Uống	Viên
131	Ciprofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
132	Citicolin	1000mg/4ml	Dung dịch tiêm	4	Tiêm	Ống
133	Citicolin	500mg	Viên/Viên nang	1,2,3,4,5	Uống	Viên
134	Citicolin natri	250mg/2ml	Thuốc tiêm	4	Tiêm	Ống
135	Clarithromycin	125mg/5ml	Cốm pha hỗn dịch uống	5	Uống	Lọ
136	Clarithromycin	250mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
137	Clarithromycin	500mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
138	Clarithromycin	500mg	Viên nén giải phóng biến đổi	BDG	Uống	Viên
139	Clopidogrel	75 mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
140	Clopidogrel	75mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
141	Clopidogrel + Acetylsalicylic acid	75mg + 100mg	Viên nén	1	Uống	Viên
142	Clopidogrel + Acetylsalicylic acid	75mg +100mg	Viên nén	4	Uống	Viên
143	Clotrimazole	500mg	Viên nén đặt âm đạo	1	Đặt âm đạo	Viên
144	Colchicine	1mg	Viên nén	1	Uống	Viên
145	Cyanocobalamin	1000mcg	Viên nén bao tan trong ruột	1,2,3,4,5	Uống	Viên
146	Cyanocobalamin	0,2mg/ml	Thuốc nhỏ mắt	4	Nhỏ Mắt	Lọ
147	Cyclosporin	0,1% (w/v)	Thuốc nhỏ mắt	4	Nhỏ Mắt	Ống
148	Cytidine-5-monophosphat disodium + Uridine	5mg + 3mg	Viên nang	2	Uống	Viên
149	Cytidine-5-monophosphat disodium + Uridine	10mg + 2,66mg	Bột đông khô và dung môi pha tiêm	1	Tiêm	Ống
150	Dabigatran etexilate	150mg	Viên nang cứng	4	Uống	Viên
151	Dapagliflozin	10mg	Viên nén	4	Uống	Viên
152	Dapagliflozin	10mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
153	Dapagliflozin	5mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
154	Dầu đậu nành tinh chế + Triglycerid mạch trung bình + Dầu oliu tinh chế + Dầu cá tinh chế	(15g + 15g + 12,5g + 7,5g)/250ml	Nhũ tương tiêm truyền	1	Tiêm truyền	Chai
155	Desloratadin	5mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
156	Desloratadin	30mg/ 60ml	Siro	2	Uống	Lọ
157	Desloratadin	2,5mg/5ml	Siro uống	1	Uống	Chai

158	Dexamethason + Neomycin sulfat + Polymyxin B sulfat	(1mg + 3500IU + 6000IU)/gram	Thuốc mỡ tra mắt	1	Tra mắt	Tuýp
159	Dexibuprofen	400mg	Bột pha hỗn dịch uống	4	Uống	Gói
160	Dexibuprofen	400mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
161	Dexlansoprazol	60 mg	Viên bao tan ở ruột	5	Uống	Viên
162	Dexlansoprazol (dưới dạng Dexlansoprazol pellet 20% w/w)	30 mg	Viên bao tan ở ruột	2	Uống	Viên
163	Diacerein	50mg	Viên nang cứng	- 1	Uống	Viên
164	Diclofenac diethylamine	1,16g/100g	Gel bôi ngoài da	BDG	Ngoài da	Tuýp
165	Diclofenac natri	Mỗi 25g chứa diclofenac natri 1g	Dung dịch xịt ngoài da	1	Xịt ngoài da	Chai
166	Diệp hạ châu + Nhân trần + Bồ công anh	2g + 2g + 1g	Viên nang cứng	3	Uống	Viên
167	Diocetahedral smectite	3g/20ml	Hỗn dịch uống	4	Uống	Gói
168	Diosmectite	3g	Bột pha uống	1	Uống	Gói
169	Diosmin + Hesperidin	900mg + 100mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
170	Diosmin + Hesperidin	450mg + 50mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
171	Dobutamin	250mg/5ml	Dung dịch đậm đặc để tiêm truyền tĩnh mạch	4	Tiêm truyền	Ống
172	Doxazosin	2mg	Viên nén bao phim	2	Uống	Viên
173	Dried ferrous sulfate + Folic acid + Ascorbic acid + Thiamin mononitrat + Riboflavin + Pyridoxin HCl + Nicotinamide	150mg + 0.5mg + 50mg + 2mg + 2mg + 1mg + 10mg	Viên nang bao tan trong ruột	5	Uống	Viên
174	Drotaverin hydroclorid	80mg	Viên nén	3	Uống	Viên
175	Drotaverine hydrochloride	40mg/2 ml	Dung dịch thuốc tiêm	BDG	Tiêm	Ống
176	Dutasteride	0,5mg	Viên nang mềm	BDG	Uống	Viên
177	Dutasteride	0,5mg	Viên nang mềm	2	Uống	Viên
178	Dutasteride + Tamsulosin hydrochloride	0,5mg + 0,4mg	Viên nang cứng	BDG	Uống	Viên
179	Dydrogesterone	10mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
180	Ebastin	10 mg	Viên nén phân tán trong miệng	1	Uống	Viên
181	Epalrestat	50mg	Viên nén bao phim	4	Uống	Viên
182	Eperison hydroclorid	50mg	Viên nén bao đường	1	Uống	Viên
183	Eperisone	50mg	Viên nén bao phim	2	Uống	Viên
184	Esomeprazol	20mg	Viên nén bao tan trong ruột	2	Uống	Viên
185	Esomeprazol	40mg	Viên nén kháng dịch dạ dày	BDG	Uống	Viên
186	Esomeprazol	20mg	Viên nén kháng dịch dạ dày	BDG	Uống	Viên
187	Esomeprazole	10mg	Cốm kháng dịch dạ dày để pha hỗn dịch uống	BDG	Uống	Gói
188	Esomeprazole natri	42,5mg (tương đương với esomeprazol 40mg)	Bột pha dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	BDG	Tiêm	Lọ
189	Estradiol valerat	2mg	Viên nén bao đường	1	Uống	Viên
190	Estradiol valerate (viên màu trắng); Estradiol valerate + Norgestrel (viên màu nâu nhạt)	2mg; 2mg+0,5mg	Viên nén bao đường	1	Uống	Viên
191	Etodolac	500mg	Viên nén bao phim	4	Uống	Viên
192	Etoricoxib	60mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
193	Ezetimib	10mg	Viên nén	3	Uống	Viên
194	Ezetimibe + Simvastatin	10mg + 40mg	Viên nén	1	Uống	Viên
195	Febuxostat	40 mg	Viên nén bao phim	2	Uống	Viên
196	Fenoterol + Ipratropium	(50mcg + 20mcg)/liều	Thuốc hít định liều	4	Xịt Họng	Bình
197	Fenticonazol nitrat	600mg	Viên nén đặt âm đạo	4	Đặt âm đạo	Viên
198	Fexofenadin HCL	60mg/5ml	Hỗn dịch uống	5	Uống	Chai

199	Fexofenadin hydroclorid	6mg/ml	Hỗn dịch uống	4	Uống	Gói
200	Fexofenadine HCL	60mg; 120mg; 180mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
201	Fexofenadine hydrochloride	180 mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
202	Fluconazole	150mg	Viên nang cứng	1	Uống	Viên
203	Fluorometholon	5mg/5ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	BDG	Nhỏ mắt	Lọ
204	Fluticason furoat	27,5 mcg/ liều xịt	Hỗn dịch xịt mũi	BDG	Xịt mũi	Bình
205	Fluticason propionat	0,05%	Thuốc xịt mũi	4	Hít	Lọ
206	fluticasone furoate + umeclidinium + vilanterol.	100mcg + 62,5mcg + 25mcg	Thuốc hít định liều	1	Hít qua miệng	Hộp
207	Fluvastatin	10mg	Viên nén bao phim	4	Uống	Viên
208	Fosfomycin natri	30mg/1ml	Dung dịch nhỏ tai	4	Nhỏ tai	Lọ
209	Fusidic acid + Betamethason	2% (w/w) + 0,1% (w/w)	Kem	1	Dùng ngoài	Tuýp
210	Gabapentin	300mg/ 6ml	Dung dịch uống	4	Uống	Ống
211	Gabapentin	400mg	Viên nang cứng	1	Uống	Viên
212	Galantamin	4mg/ 5ml	Dung dịch uống	4	Uống	Ống
213	Gentamicin sulfat	3mg/ml	Thuốc nhỏ mắt	1	Nhỏ Mắt	Lọ
214	Ginkgo biloba	120mg	Viên nén bao phim	4	Uống	Viên
215	Ginkgo biloba	40 mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
216	Ginkgo biloba	80mg	Dung dịch uống	4	Uống	Ống
217	Ginkgo biloba leaf extract	120mg	Viên nang mềm	2	Uống	Viên
218	Gliclazide	30mg	Viên nén phóng thích có kiểm sốt	BDG	Uống	Viên
219	Gliclazide	60mg	Viên nén phóng thích có kiểm sốt	BDG	Uống	Viên
220	Glucosamin	1250 mg	Bột pha uống	2	Uống	Gói
221	Glucosamin sulfat	1500mg	Thuốc bột uống	4	Uống	Gói
222	Glucosamin sulfat (dưới dạng glucosamin sulfat kali clorid); Natri chondroitin sulfat	750 mg + 250 mg	Viên	4	Uống	Viên
223	Glucosamine + Chondroitin Sulfate + Cao đặc thân rễ Gừng + Cao đặc vỏ thân cây Hoàng bá	295mg + 10mg + 40mg + 10mg	Viên nang cứng	1	Uống	Viên
224	Glucosamine sulfat potassium chloride ; Chondroitin sulfate	995,22 mg + 250mg	Viên	1	Uống	Viên
225	Glucosamine sulfate	250mg	Viên nang cứng	1	Uống	Viên
226	Glucosamine Sulfate	1500mg	Thuốc bột	1	Uống	Gói
227	Glucose 10%	10%/ 500ml	Thuốc tiêm truyền	1,2,3,4,5	Tiêm truyền	Chai
228	Glutathion	600mg	Thuốc bột pha tiêm	2	Tiêm	Lọ
229	Glutathion	900mg	Bột đông khô pha tiêm	4	Tiêm	Lọ
230	Glycerol	2,25g/3g. Tuýp 9g	Gel thực trực tràng	4	Thực trực tràng	Tuýp
231	Glycyrrhizin + Glycin + L- cystein hydrochlorid	(20mg+200mg+10mg) /10ml	Dung dịch tiêm	4	Tiêm	Lọ
232	Hydrocortisol	10mg	Viên nén	4	Uống	Viên
233	Hydroquinon	40mg/g - 15g	Kem bôi da	2	Dùng ngoài	Tuýp
234	Hydroxychloroquine sulfate	200mg	Viên nén bao phim	2	Uống	Viên
235	Hydroxypropyl methylcellulose	3mg/1ml; Ống 0,4ml	Dung dịch nhỏ mắt	4	Nhỏ mắt	Ống
236	Ibandronic acid	3mg/3ml	Thuốc tiêm	BDG	Tiêm	Lọ
237	Ibandronic acid (dưới dạng Ibandronat natri monohydrat)	50mg	Viên	4	Uống	Viên

238	Ibuprofen	20mg/ml	Hỗn dịch uống	2	Uống	Lọ, Ống
239	Indapamide + Amlodipine	1,5mg + 5mg	Viên nén giải phóng kiểm soát	1	Uống	Viên
240	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	100IU/ml	Thuốc tiêm truyền	1,2,3,4,5	Tiêm truyền	Lọ
241	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	40IU/ml x 10ml	Thuốc tiêm truyền	1,2,3,4,5	Tiêm truyền	Lọ
242	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	100IU/ml x 10ml	Hỗn dịch tiêm	1	Tiêm	Lọ
243	Insulin người trộn, hỗn hợp	100IU/ml x 10ml (30/70)	Hỗn dịch tiêm	1	Tiêm	Lọ
244	Ipratropium bromide anhydrous + Salbutamol	0,500mg + 2,500mg	Dung dịch khí dung	1	Khí dung	Lọ
245	Isotretinoin	20mg	Viên nang mềm	2	Uống	Viên
246	Isotretinoin	20mg	Viên nang mềm	4	Uống	Viên
247	Isotretinoin	10mg	Viên nang mềm	2	Uống	Viên
248	Itoprid hydrochlorid 50mg	50mg	Viên nén bao phim	3	Uống	Viên
249	Itraconazol	200mg	Viên nén	4	Uống	Viên
250	Ivabradin	7,5mg	Viên nén bao phim	2	Uống	Viên
251	Ivabradin	5 mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
252	Ivabradine	5mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
253	Kali clorid	500mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
254	Kali clorid	600mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
255	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	10mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
256	Kẽm Gluconat	70mg/3g	Cốm pha uống	4	Uống	Gói
257	kẽm nguyên tố	8mg/5ml	Siro	4	Uống	Ống
258	Ketoprofen	20mg	Miếng dán	1	Dán ngoài da	Miếng
259	Ketotifen	0,5mg/ ml; Ống 0,4 ml	Dung dịch nhỏ mắt	4	Nhỏ mắt	Ống
260	L (-) Arginin HCl	1g/5ml	Dung dịch uống	4	Uống	Chai
261	L- Citrulline DL-Malate	1000mg	Thuốc cốm sùi	4	Uống	Gói
262	Lactobacillus acidophilus	75mg/1g	Cốm pha uống	1,2,3,4,5	Uống	Gói
263	Lactulose	670mg/ml	Dung dịch uống	4	Uống	Ống
264	Lactulose	10g/15ml	Dung dịch uống	1	Uống	Gói
265	Lansoprazol	15mg	Viên nang bao tan trong ruột	1	Uống	Viên
266	Lansoprazole	30mg	Viên nang cứng	1	Uống	Viên
267	L-Arginin HCl	400mg	Viên nang mềm	4	Uống	Viên
268	L-Arginine HCl + Thiamine HCl + Pyridoxine HCl	250mg + 100mg + 20mg	Viên nén bao phim	4	Uống	Viên
269	L-Arginin-L-Aspartat	5g/7g	Cốm pha hỗn dịch uống	4	Uống	Gói
270	Levodropropizin	60 mg	Viên nén	2	Uống	Viên
271	Levofloxacin	5mg/ml; Ống 10ml	Dung dịch nhỏ mắt	4	Nhỏ mắt	Ống
272	Levofloxacin	500 mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
273	Levofloxacin hydrat	25mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	BDG	Nhỏ mắt	Lọ
274	Levofloxacin hydrat	75mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	BDG	Nhỏ mắt	Lọ
275	Levothyroxine natri	50mcg	Viên nén	BDG	Uống	Viên
276	Levothyroxine natri	75mcg	Viên nén	BDG	Uống	Viên
277	Levothyroxine natri	100mcg	Viên nén	BDG	Uống	Viên
278	Levothyroxine sodium	100mcg	Viên nén	1	Uống	Viên
279	Levothyroxine sodium	100mcg	Viên nén	2	Uống	Viên
280	Liên nhục + Đảng sâm + Bạch linh + Bạch truật + Hoài sơn + Cát lâm sâm + Mạch nha + Sơn tra + Ý dĩ + Cam thảo + Sứ quân tử + Khiếm thực + Bạch biên đầu + Thần khúc + Ô tặc cốt + Cốc tinh thảo	1,5g + 1,25g + 0,875g + 0,75g + 0,687g + 0,625g + 0,625g + 0,625g + 0,563g + 0,5g + 0,375g + 0,387g + 0,25g + 0,213g + 0,15g	Viên nang cứng	3	Uống	Viên

281	Linagliptin	5mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
282	L-leucin + L-isoleucin + L-Lysin HCl + L-Phenylalanin + L-threonin + L-valin + L-tryptophan + L-Histidin hydroclorid monohydrat + L-Methionin	320,3mg + 203,9mg + 291mg + 320,3mg + 145,7mg + 233mg + 72,9mg + 216,2mg + 320,3mg	Thuốc cốm	4	Uống	Gói
283	Loratadine	10mg	Viên nén	1	Uống	Viên
284	L-ornithin - L-aspartat	500mg	Viên nang mềm	4	Uống	Viên
285	L-Ornithin L-aspartat	3g	Cốm pha dung dịch uống	2	Uống	Gói
286	L-ornithin, L-aspartat	5g/10ml	Thuốc tiêm truyền	1	Tiêm Truyền Tĩnh Mạch	Ống
287	L-ornithine L-aspartate	200mg	Viên nang mềm	4	Uống	Viên
288	Losartan kali + Amlodipin besilat	100mg + 5mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
289	Losartan potassium + Hydrochlorothiazide	50mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
290	Lovastatin	20mg	Viên nén	4	Uống	Viên
291	Lysin hydroclorid + Thiamin hydroclorid + Riboflavin Natri phosphat + Pyridoxin hydroclorid + Cholecalciferol + D,L- α - Tocopheryl acetat + Niacinamid + Dexapanthenol + Calci	300 mg + 3mg + 3.5mg + 6mg + 400IU + 15mg + 20mg + 10 mg + 130 mg/15ml x 7,5ml	Siro thuốc	4	Uống	Ống
292	Lysin hydroclorid + Calci + Thiamin hydroclorid + Riboflavin natri phosphat + Pyridoxin HCl + Nicotinamide + Dexpanthenol + Cholecalciferol + Alpha tocopheryl acetat	150mg + 65,025mg + 1,5mg + 1,725mg + 3mg + 9,975mg + 5,025mg + 200,025IU + 7,5mg	Sỉ rô	4	Uống	Ống
293	Lysine + Leucine + Arginine + Serine + Phenylamine + Threonine + Tyrosine + Isoleucine + Methionin + Tryptophan	10.3% + 10.3% + 10.3% + 7.3% + 5.9% + 5.9% + 5.9% + 4.4% + 2.9% + 1.5%	Viên nang	1,2,3,4,5	Uống	Viên
294	Mã tiền + Thương truật + Hương phụ + Mộc hương + Địa liên + Quế chi	50mg + 20mg + 13mg + 8mg + 6mg + 3mg	Viên nang cứng	3	Uống	Viên
295	Macrogol 4000	10g	Bột pha dung dịch uống	1	Uống	Gói
296	Macrogol 4000 + Natri sulfat + Natri bicarbonat + Natri clorid + Kali clorid	64g + 5,7g + 1,680g + 1,460g + 0,750g	Bột pha dung dịch uống	4	Uống	Gói
297	Magnesi aspartat + Kali aspartat	140mg + 158mg	Viên nén bao phim	4	Uống	Viên
298	Magnesi hydroxyd + Nhôm Hydroxyd + Simethicon	800,4mg + 612mg + 80mg	Hỗn dịch uống	2	Uống	Gói
299	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd gel	800,4mg + 3030,3mg	Hỗn dịch uống	4	Uống	Gói

300	Magnesi lactat dihydrat + Vitamin B6	470mg + 5mg	Viên nén bao phim	2	Uống	Viên
301	Magnesi sulfat	1,5g/10ml	Dung dịch tiêm	4	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Ống
302	Mecobalamin	500mcg/ 1ml	Dung dịch tiêm	4	Tiêm	Lọ
303	Mecobalamin	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm	1	Tiêm	Ống
304	Mecobalamin	500mcg	Viên nang	1,2,3,4,5	Uống	Viên
305	Meglumin natri succinat	6g/400ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	5	Truyền tĩnh mạch	Chai
306	Mesalazin	10mg/1ml	Hỗn dịch thực trực tràng	4	Thực trực tràng	Lọ
307	Metformin	1000mg	Viên nén phóng thích kéo dài	3	Uống	Viên
308	Metformin hydrochlorid	1000mg	Viên nén phóng thích kéo dài	1	Uống	Viên
309	Methocarbamol	1000mg/ 10ml	Dung dịch tiêm	4	Tiêm	Ống
310	Methocarbamol	1000mg	Viên nén bao phim	4	Uống	Viên
311	Methocarbamol	750mg	Viên nén bao phim	2	Uống	Viên
312	Methylprednisolon	16mg	Viên nén	2	Uống	Viên
313	Methylprednisolon	40mg	Bột đông khô pha tiêm	BDG	Tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ
314	Methylprednisolon acetat	40mg	Hỗn dịch tiêm	BDG	Tiêm	Lọ
315	Methylprednisolone	4mg	Viên nén	BDG	Uống	Viên
316	Methylprednisolone	16mg	Viên nén	BDG	Uống	Viên
317	Metoclopramid hydroclorid	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	4	Tiêm tĩnh mạch - Tiêm bắp	Ống
318	Metoprolol succinat	Metoprolol succinat (tương đương với 25mg metoprolol tartrat hoặc 19,5mg metoprolol) 23,75mg	Viên nén phóng thích kéo dài	BDG	Uống	Viên
319	Metoprolol succinat	Metoprolol succinat (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol) 47,5mg	Viên nén phóng thích kéo dài	BDG	Uống	Viên
320	Metoprolol tartrate	100mg	Viên nén	1	Uống	Viên
321	Metronidazol + neomycin + nystatin	500mg + 65.000UI + 100.000UI	Viên nén đặt âm đạo	1	Đặt âm đạo	Viên
322	Metronidazole	500mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	1	Tiêm truyền tĩnh mạch	Túi
323	Metronidazole	250mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
324	Metronidazole + Miconazole nitrate + Neomycin Sulfate + Polymycin B Sulfate + Gotu kola	300mg + 100mg + 48,8mg + 4,4mg + 15mg	Viên đạn đặt âm đạo	5	Đặt âm đạo	Viên
325	Metronidazole 0,5g/ 100ml	500 mg/ 100ml	Thuốc tiêm truyền	4	Tiêm truyền	Túi
326	Miconazol nitrat	0,3 g/15ml	Nhũ tương dùng ngoài	4	Dùng ngoài	Lọ

327	Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umeclidinium và 25mcg vilanterol. Liều này tương ứng với liều phóng thích (liều đi ra khỏi đầu ngâm của dụng cụ hít) chứa 92mcg fluticasone furoate; 55mcg umeclidinium và 22mcg vilanterol	Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umeclidinium (tương đương với 74,2mcg umeclidinium bromide) và 25mcg vilanterol (dạng trifenate). Liều này tương ứng với liều phóng thích (liều đi ra khỏi đầu ngâm của dụng cụ hít) chứa 92mcg fluticasone furoate; 55mcg umeclidinium (tương đương với 65mcg umeclidinium bromide) và 22mcg vilanterol (dạng trifenate)	Thuốc bột hít phân liều	1	Hít qua miệng	Hộp
328	Mometasone furoate	0,05% (w/w)	Hỗn dịch xịt mũi	2	Xịt mũi	Chai
329	Mometasone furoate	50µg (mcg)	Hỗn dịch xịt mũi	1	Dạng xịt	Lọ
330	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	(21,41g + 7,89g)/ 133ml	Dung dịch thực trực tràng	4	Thực trực tràng	Lọ
331	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	(10,63g + 3,92g)/ 66 ml	Dung dịch thực trực tràng	4	Thực trực tràng	Lọ
332	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	(417mg + 95mg)/1ml	Dung dịch uống	4	Uống	Lọ
333	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	(19g/118ml + 7g/118ml) - 133ml	Dung dịch thực trực tràng	1	Thực trực tràng	Chai
334	Montelukast	5mg	Viên nén phân tán trong miệng	4	Uống	Viên
335	Montelukast	4mg	Thuốc cầm	1	Uống	Gói
336	Montelukast	5mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
337	Montelukast	10mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
338	Montelukast	4mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
339	Moxifloxacin	400mg/250ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	BDG	Truyền tĩnh mạch	Chai
340	Moxifloxacin	400mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
341	Moxifloxacin	5mg/ml; Ống 0,4ml	Dung dịch nhỏ mắt	4	Nhỏ mắt	Ống
342	Moxifloxacin + Dexamethason phosphat	5mg/ml + 1mg/ml; Ống 2ml	Dung dịch nhỏ mắt	4	Nhỏ mắt	Ống
343	Moxifloxacin + Dexamethason phosphat	5mg/ml + 1mg/ml; Ống 0,4ml	Dung dịch nhỏ mắt	4	Nhỏ mắt	Ống
344	N-Acetylcystein	600mg	Viên sủi	1	Uống	Viên
345	Naproxen	250mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	4	Uống	Viên
346	Naproxen	250mg	Viên sủi	4	Uống	Viên
347	Natri alginat + Natri bicarbonat + Calci carbonat	250,0 mg + 133,5mg + 80mg	Viên nén bao phim	4	Uống	Viên
348	Natri clorid	0,9%/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	4	Tiêm truyền	Túi
349	Natri clorid	0,9%/500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	4	Tiêm truyền	Chai
350	Natri clorid	60mg/1ml	Dung dịch khí dung	1,2,3,4,5	Khí Dung	Ống
351	Natri clorid	30mg/1ml	Dung dịch khí dung	1,2,3,4,5	Khí Dung	Ống

352	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	(0,7g + 0,3g + 0,58g + 4g)/Gói 5,6g	Thuốc bột	4	Uống	Gói
353	Natri dihydrophosphat dihydrat + Dinatri phosphat dodecahydrat	21,4 g (18,1% (w/v)) + 9,4 g (8% (w/v))/118ml	Dung dịch thực trực tràng	4	Thực trực tràng	Chai
354	Natri hyaluronat	25mg/2,5ml	Dung dịch tiêm	4	Tiêm	Lọ
355	Natri hyaluronat	1mg/1ml.	Thuốc nhỏ mắt	4	Nhỏ Mắt	Ống
356	Natri Hyaluronate	20mg/ 2ml	Dung dịch tiêm trong khớp	BDG	Tiêm trong khớp	Bơm tiêm
357	Natri valproat	200mg	Viên nén	BDG	Uống	Viên
358	Natri valproate	200mg/ml	Dung dịch uống	2	Uống	Lọ
359	Nebivolol	2,5mg	Viên nén	2	Uống	Viên
360	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	(650.000 IU + 1.000.000 IU + 0,100g)/100ml x 10,5ml	Dung dịch nhỏ tai	1	Nhỏ tai	Lọ
361	Nhân sâm + Thủy điệt + Toàn yết + Xích thực + Thuyền thoái + Thỏ miết trùng + Ngô Công + Đàn hương + Giáng hương + Nhũ hương + Toan táo nhân + Bãg phiến	37,67mg + 71,06mg + 47,09mg + 32,53mg + 47,09mg + 47,09mg + 9,42mg + 15,41mg + 16,27mg + 15,41mg + 31,68mg + 9,42mg	Viên nang	4	Uống	Viên
362	Nicorandil	10mg	Viên nén	4	Uống	Viên
363	Nicotinamid	50mg	Viên	4	Uống	Viên
364	Nimodipin	30mg	Viên nén bao phim	4	Uống	Viên
365	Nizatidin	15mg/ml	Dung dịch uống	4	Uống	Gói
366	Nizatidin	75mg	Viên nang cứng	4	Uống	Viên
367	Ofloxacin	0,3%	Thuốc mỡ tra mắt	1	Tra mắt	Tuýp
368	Olanzapine	5mg	Viên hòa tan nhanh/Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
369	Omega3	1000mg	Viên nang mềm	4	Uống	Viên
370	Omega-3 triglycerid	omega-3 triglycerid (tương đương Docosahexaenoic acid (DHA) 20,05%; Eicosapentaenoic acid (EPA) 4,20%) 46,39% (w/v)	Dung dịch uống	4	Uống	Lọ
371	Omeprazole 40mg	40mg	Viên nang cứng chứa pellet kháng acid dịch vị	1	Uống	Viên
372	Oseltamivir	75mg	Viên nang cứng	1	Uống	Viên
373	Osetamivir	6mg/ml	Bột pha uống	1,2,3,4,5	Uống	Lọ
374	Osetamivir	12mg/ml	Bột pha uống	1,2,3,4,5	Uống	Lọ
375	Oxytocin	5UI/1ml	Dung dịch tiêm	1	Tiêm	Ống
376	Pantoprazol	40mg	Viên nén bao tan trong ruột	1	Uống	Viên
377	Paracetamol	1000mg/ 6,7ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	1	Tiêm truyền	Ống
378	Paracetamol	500mg	Viên nén sủi bọt	1	Uống	Viên
379	Paracetamol	300mg	Thuốc đạn	1	Đặt hậu môn	Viên
380	Paracetamol	160mg/10ml	Dung dịch uống	4	Uống	Ống
381	Paracetamol	150mg	Thuốc bột sủi bọt	3	Uống	Gói
382	Paracetamol	1000mg	Bột pha tiêm, Dung dịch tiêm	1	Truyền	Chai, lọ, ống, túi
383	Paracetamol	500mg	Viên nang cứng	1	Uống	viên
384	Paracetamol	80mg	Cốm pha uống hòa tan nhanh	1	Uống	Gói
385	Paracetamol	150mg	Cốm pha uống hòa tan nhanh	1	Uống	Gói
386	Paracetamol	250mg	Cốm pha uống hòa tan nhanh	1	Uống	Gói
387	Paracetamol	80mg	Viên đặt hậu môn	1	Đặt Hậu Môn	Viên

388	Paracetamol	150mg	Viên đặt hậu môn	1	Đặt Hậu Môn	Viên
389	Paracetamol	100mg	Cốm pha uống hòa tan nhanh	1,2,3,4,5	Uống	Gói
390	Paracetamol	325mg	Cốm pha uống hòa tan nhanh	1,2,3,4,5	Uống	Gói
391	Paracetamol	120mg/5ml	Hỗn dịch uống	4	Uống	Lọ
392	Penicillin V (dưới dạng Penicillin V kali)	400.000 UI; 1.000.000 UI	Viên	4	Uống	Viên
393	Peptides (Cerebrolysin concentrate)	215,2mg/ml	Dung dịch tiêm và truyền	BDG	Tiêm, truyền	Ống
394	Perindopril + Amlodipine	3,5mg + 2,5mg	Viên nén	1	Uống	Viên
395	Perindopril + Amlodipine	7mg + 5mg	Viên nén	1	Uống	Viên
396	Perindopril + Indapamide + Amlodipine	5mg + 1,25mg + 5mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
397	Perindopril arginine	5mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
398	Perindopril arginine + Amlodipine	5mg + 5mg	Viên nén	1	Uống	Viên
399	Perindopril arginine + Indapamide	5 mg + 1,25mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
400	Phloroglucinol dihydrate + Trimethylphloroglucinol	40mg + 0,04mg/ 4ml	Dung dịch tiêm	1	Tiêm	Ống
401	Phosphatidylserin	350 mg	Viên nén	4	Uống	Viên
402	Phospholipid đậu nành	600mg	Viên nang mềm	5	Uống	Viên
403	Phospholipid đậu nành	300mg	Viên nang mềm	2	Uống	Viên
404	Phức hợp hydroxyd sắt (III) Polymaltose +Acid folic	100mg +1mg	Dung dịch, hỗn dịch, nhũ dịch uống	4	Uống	Ống
405	Piracetam	4g/20ml	Dung dịch tiêm	2	Tiêm truyền	Ống
406	Piracetam	400mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
407	Piracetam	1,2g	Bột pha dung dịch uống	1	Uống	Gói
408	Pitavastatin	2mg	Viên nén bao phim	3	Uống	Viên
409	Poly-(O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri acetat trihydrat; Natri clorid; Kali clorid; Magnesi clorid hexahydrat	(30g; 2,315g; 3,01g; 0,15g; 0,15g)/500ml	Dung dịch tiêm truyền	1	Tiêm truyền	Túi
410	Povidone Iodine	1% (w/v)	Dung dịch súc họng và súc miệng	1	Súc họng và miệng	Chai
411	Pregabalin	100mg	Viên nang cứng	4	Uống	Viên
412	Pregabalin	20mg/1ml	Dung dịch uống	4	Uống	Ống
413	Progesterone	1%	Gel bôi ngoài da	1	Bôi ngoài da	Tuýp
414	Progesterone	200mg	Viên nang mềm	1	Uống, đặt âm đạo	Viên
415	Progesterone dạng bột siêu mịn (progesterone micronized)	200mg	Viên nang mềm dùng uống hoặc đặt âm đạo	1	Uống, đặt âm đạo	Viên
416	Protein huyết tương trong đó albumin tối thiểu 95%	200g/l, 50ml	Dung dịch tiêm truyền	1	Truyền tĩnh mạch	Lọ
417	Rabeprazol natri	40mg	Viên nén bao tan trong ruột	5	Viên nén bao tan trong ruột, uống	Viên
418	Rabeprazole sodium	20mg	Viên nén bao tan trong ruột	1	Uống	Viên
419	Racecadotril	10mg/gói	Thuốc bột uống	1	Uống	Gói
420	Riboflavin	2mg	Viên	4	Uống	Viên
421	Risedronat natri	35mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
422	Rivaroxaban	10mg	viên nén bao phim	2	Uống	Viên

423	Rivaroxaban	2,5mg	Viên nén bao phim	4	Uống	Viên
424	Rivastigmine	1,5mg	Viên nang cứng	2	Uống	Viên
425	Rosuvastatin	5mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
426	Rutin + vitamin C	50mg + 50mg	Viên; Viên nang	1,2,3,4,5	Uống	Viên
427	Saccharomyces boulardii CNCM I-745	100mg	Bột pha uống	1	Uống	Gói
428	Sài hồ + Xuyên khung + Khương hoạt + Phục linh + Nhân sâm + Tiên hồ + Chỉ xác + Độc hoạt + Cát cánh + Cam thảo	600mg + 600mg + 600mg + 600mg + 600mg + 600mg + 600mg + 600mg + 600mg + 300mg	Siro thuốc	3	Uống	Ống
429	Salbutamol	100mcg/ liều x 200 liều	Thuốc hít phân liều	5	Dạng hít	Bình xịt
430	Salbutamol	2mg/5ml	Dung dịch uống	4	Uống	Gói
431	Salbutamol	2,5mg/2,5ml	Dung dịch dùng cho khí dung	4	Hít qua máy khí dung	Ống
432	Salbutamol	5mg/2,5ml	Dung dịch dùng cho khí dung	4	Hít qua máy khí dung	Ống
433	Salbutamol	100mcg/liều	Khí dung đã chia liều	1	Đường hô hấp	Bình
434	Salbutamol	100mcg/liều xịt	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	1	Xịt theo đường miệng	Bình
435	Salbutamol + Ambroxol	(1mg + 15mg)/5ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	1,2,3,4,5	Uống	Lọ
436	Salmeterol + Fluticason propionat	50mcg + 250mcg	Bột hít phân liều	BDG	Hít qua đường miệng	Bình
437	Salmeterol + Fluticasone propionate	25mcg + 125mcg	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	BDG	Hít qua đường miệng	Bình xịt
438	Salmeterol + Fluticason propionate	25mcg + 250mcg	Thuốc phun mù định liều hệ hỗn dịch	BDG	Hít qua đường miệng	Bình xịt
439	Sắt III Hydroxide Polymaltose complex, 1500mg sắt nguyên tố /150ml	1500mg sắt nguyên tố /150ml, Chai 150ml	Si rô	2	Uống	Chai
440	Sắt nguyên tố (dưới dạng Sắt (III) Hydroxyd polymaltose)	50mg/10ml	Dung dịch uống	4	Uống	Ống
441	Silymarin	150mg	Viên bao đường	1	Uống	Viên
442	Silymarin	140mg	Viên nang cứng	1	Uống	Viên
443	Silymarin	117mg	Viên nén bao phim	4	Uống	Viên
444	Silymarin + Vitamin B1 (thiamin mononitra) + Vitamin B2 (riboflavin) + Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) + Vitamin B5 (Calci pantothenat) + Vitamin PP (nicotinamid) + Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	70mg + 4mg + 4mg + 4mg + 8mg + 12mg + 1,2mcg	Viên nang cứng	4	Uống	Viên
445	Sitagliptin + Metformin hydrochloride	50 mg + 1000 mg	Viên nén bao phim	3	Uống	Viên
446	Sitagliptin + Metformin hydrochloride	50 mg + 500mg	Viên nén bao phim	3	Uống	Viên
447	Solifenacin succinate	5mg	Viên nén bao phim	2	Uống	Viên
448	Solifenacin succinate	5mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
449	Sorbitol	5g	Bột pha uống	4	Uống	Gói
450	Sucralfat	1g	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch	4	Uống	Gói
451	Sucralfat	1g	Cốm pha hỗn dịch uống	4	Uống	Gói
452	Sucralfate	1g/10ml	Hỗn dịch uống	5	Uống	Lọ
453	Sulcralfat	1g/15ml	Hỗn dịch uống	4	Uống	Gói

454	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	(200mg + 40mg)/5ml	Hỗn dịch uống	1	Uống	Chai
455	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	(200mg + 40mg)/10ml	Hỗn dịch uống	4	Uống	Ống
456	Sulfamethoxazole + Trimethoprim	400mg + 80 mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
457	Sulpiride	40mg	Viên nang	1,2,3,4,5	Uống	Viên
458	Tacrolimus	0,0003	Thuốc mỡ bôi da	4	Dùng ngoài	Tuýp
459	Tamsulosin HCl	0.4 mg	Viên nén phóng thích kéo dài	1	Uống	Viên
460	Telmisartan	40mg	Viên nén, viên nang	1	Uống	Viên
461	Telmisartan	40mg	Viên nén	BDG	Uống	Viên
462	Telmisartan + Hydrochlorothiazide	40mg/12,5mg	Viên	1	Uống	Viên
463	Terbutalin sulfat + Guaifenesin	(1.5mg + 66.5mg)/5ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	1,2,3,4,5	Uống	Lọ
464	Tetracyclin	500 mg	Viên nang	5	Uống	Viên
465	Thiamazole	5mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
466	Thiamin hydroclorid	100mg/1ml	Thuốc tiêm	4	Tiêm Bắp	Ống
467	Thiamin hydroclorid + Pyridoxin hydroclorid + Cyanocobalamin	100mg + 100mg + 1mg	Dung dịch tiêm	1	Tiêm	Ống
468	Thiamin hydroclorid + Riboflavin + Nicotinamid + Pyridoxin hydroclorid + Dexpanthenol	5mg + 2mg + 20mg + 2mg + 3mg	Thuốc cốm	4	Uống	Gói
469	Thiocolchicosid	4mg	Viên nang cứng	4	Uống	Viên
470	Thiocolchicoside	2mg/ml	Thuốc tiêm	1	Tiêm	ống
471	Thỏ miết trùng + Cao nhân sâm + Sơn thù nhục + Đan sâm + Hoàng liên + Nam ngũ vị tử + Cam tùng + Mạch môn đông + Toan táo nhân + Long cốt + Xích thược + Tang ký sinh	75mg + 89mg + 224mg + 224mg + 45mg + 67mg + 89mg + 112mg + 186mg + 149mg + 89mg + 186mg	Viên nang cứng	4	Uống	Viên
472	Thục địa + Hoài sơn + Trạch tả + Cúc hoa vàng + Hà thủ ô đỏ + Thảo quyết minh + Đương quy + Hạ khô thảo	800mg + 800mg + 800mg + 800mg + 800mg + 800mg + 500mg	Viên hoàn cứng	3	Uống	Túi
473	Thymomodulin	120mg	Viên nang cứng	4	Uống	Viên
474	Ticagrelor	90mg	Viên nén bao phim	BDG	Uống	Viên
475	Tiemonium methylsulfat	50mg	Viên	4	Uống	Viên
476	Tofisopam	50mg	Viên	4	Uống	Viên
477	Tramadol hydrochloride + Paracetamol	37,5 mg + 325 mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
478	Tranexamic acid	500 mg	Viên nén bao phim	1	Uống	Viên
479	Trimebutine maleate	200 mg	Viên	1	Uống	Viên
480	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	BDG	Uống	Viên
481	Tyrothricin	5mg/5g	Gel bôi ngoài da	1	Thuốc dùng ngoài	Tube
482	Tyrothricin + Benzocain + Benzalkonium	0,5mg + 1,0mg + 1,5mg	Viên ngậm	1	Ngậm	Viên
483	Ubidecarenon (Coenzym Q10)	50mg	Viên nang cứng	4	Uống	Viên
484	Ubidecarenone	30mg	Viên nang mềm	4	Uống	Viên
485	Valsartan	80mg	Viên nang cứng	4	Uống	Viên
486	Vincamin + Rutin	20mg + 40mg	Viên nang cứng	4	Uống	Viên

487	Vitamin A + Vitamin D3 + Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin B6 + Sắt (Ferrous fumarat) + Magie (Magnesi oxide) + Calci (Calci glycerophosphat)	1000 IU + 400 IU + 2mg + 3mg + 1mg + 1,65mg + 6mg + 21,42mg	Viên nang mềm	4	Uống	Viên
488	Vitamin B1	10mg	Viên	1,2,3,4,5	Uống	Viên
489	Vitamin B1+B6+B12	Mỗi 3ml chứa: Thiamin HCL 100mg, Pyridoxin HCL 50mg, Cyanobalamin 1000mcg	Thuốc tiêm	5	Tiêm	ống
490	Vitamin D3	200.000 UI/ml	Thuốc tiêm	1,2,3,4,5	Tiêm	Lọ
491	Xích đồng nam + Ngây hương + Thục địa + Hoài Sơn + Mẫu đơn bì + Bạch linh + Trạch tả + Mật ong	50g + 50g + 10g + 10g + 8g + 8g + 8g + 2g	Viên hoàn cứng	2	Uống	Gói
492	Xuyên khung; Tân giao; Bạch chỉ; Đương quy; Mạch Môn; Hồng sâm; Ngô thù du; Ngũ vị tử; Bàng phiến	2,4g; 2,4g; 2,4g; 2,4g; 1,6g; 2,4g; 1,6g; 2,4g; 0,08g	Viên hoàn cứng	4	Uống	Gói
493	Xylometazoline Hydrochloride	1mg/ml	Dung dịch khí dung	4	Xịt mũi	Lọ
494	Xylometazoline Hydrochloride	5mg/10ml	Dung dịch nhỏ mũi	BDG	Nhỏ mũi	Lọ
495	Xylometazoline Hydrochloride	5mg/10ml	Thuốc xịt mũi có phân liều	BDG	Xịt mũi	Lọ
496	Xylometazoline Hydrochloride	10mg/10ml	Thuốc xịt mũi có phân liều	BDG	Xịt mũi	Lọ
497	Zoledronic Acid	5mg/5ml	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	4	Tiêm truyền	Ống
498	Zoledronic Acid	5mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	2	Tiêm truyền	Chai

PHỤ LỤC 2. MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời ngày / /202... của Bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thuốc như sau:

1. Báo giá cho các thuốc và dịch vụ liên quan

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá (đ) có VAT ⁽²⁾	Số GPLH /GPNK	Nơi sản xuất	Nước sản xuất	Giá trúng thầu	Đơn vị trúng thầu	Số QĐ Ngà trún thầu
...															

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày / /202...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽³⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú (3)

(2) Đơn giá là giá đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).

(3) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

PHỤ LỤC 3. Mẫu bản cam kết
(Kèm theo Thư mời ngày / /202... của Bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội

Tên doanh nghiệp:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
Email:.....
Người đại diện:.....Chức vụ:.....

Chúng tôi xin cam kết tới quý Bệnh viện như sau:

1. CAM KẾT ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

- Đảm bảo chất lượng, mẫu nhãn đúng như đã đăng kí với cơ quan có thẩm quyền.
- Đúng với nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa về hãng sản xuất, nước sản xuất.
- Hạn sử dụng còn lại của thuốc đã kí hợp đồng tính từ thời điểm cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng 01 năm trở lên, ¼ hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.
- Cam kết thu hồi thuốc vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu thuốc đã giao không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật như báo giá và hợp đồng đã ký kết, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Bệnh viện và hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho Bệnh viện, tương ứng số lượng thuốc đã thu hồi hoặc mua lại toàn bộ số hàng còn lại theo giá bán ra của nhà thuốc Bệnh viện, đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

2. CAM KẾT VỀ GIÁ

- Chúng tôi cam kết giá của (các) sản phẩm do công ty chúng tôi cung cấp cho nhà thuốc Bệnh viện là giá thống nhất trên toàn bộ thị trường và thấp hơn hoặc bằng giá đã công bố/ kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trong trường hợp điều chỉnh giá công bố/kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chúng tôi sẽ điều chỉnh giá bán xuống thấp hơn hoặc bằng cho Bệnh viện. Nếu chúng tôi không điều chỉnh giá bán cho Bệnh viện, chúng tôi xin đền toàn bộ phần chênh lệch của giá công bố/kê khai và giá bán cho Bệnh viện tính từ thời điểm điều chỉnh.

3. CAM KẾT CUNG ỨNG SẢN PHẨM

- Cung cấp kịp thời, chính xác, đủ số lượng thuốc theo đơn đặt hàng của Nhà thuốc Bệnh viện.

- Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm thu hồi thuốc trong trường hợp đã giao hàng nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, đồng thời thay thế lô hàng khác cho đơn vị y tế.

- Cam kết cung cấp đầy đủ phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng ở mỗi lần nhập.

- Trong suốt quá trình vận chuyển, giao nhận thuốc phải đảm bảo đúng các yêu cầu về điều kiện bảo quản ghi trên nhãn, theo các nguyên tắc GSP, GDP và các quy định về quản lý các thuốc phải kiểm soát đặc biệt.

Cam kết có hiệu lực kể từ ngày ký. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Bệnh viện./

Đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)